

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN XUÂN TRƯỜNG  
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 66/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 27 - 5 - 2024

V/v: Ly hôn, TC nuôi con  
giữa chị T và anh L

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN TRƯỜNG, TỈNH NAM ĐỊNH

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Ngọc Quỳnh.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Phạm Kim An

Ông Trần Văn Trang

- *Thư ký phiên tòa:* ông Nguyễn Thế Vinh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Trường tham gia phiên tòa:* bà Trịnh Thị Trinh - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 43/2024/TLST – HNGĐ, ngày 04 tháng 4 năm 2024; về việc: Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 53/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 03/5/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 19/2024/QĐST-HNGĐ, ngày 14/5/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1987; địa chỉ: Thôn C, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định;

- Bị đơn: Anh Nguyễn Thành L, sinh năm 1985; địa chỉ: Thôn C, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định.

(Tại phiên tòa chị T có mặt, anh L vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng nguyên đơn trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Thành L tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn ngày 22/10/2007 tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện X, tỉnh Nam Định. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống tại nhà bố mẹ anh L. Thời gian

đầu, vợ chồng chung sống rất hạnh phúc, nhưng sau đó thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân vợ chồng phát sinh mâu thuẫn là do tính tình không hợp nhau, trong cuộc sống luôn bất đồng quan điểm, mặc dù đã được hai bên gia đình khuyên giải nhiều lần nhưng tình cảm vợ chồng vẫn không được cải thiện mà ngày càng mâu thuẫn trầm trọng. Nay chị xác định không còn tình cảm với anh **L**, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng nên nguyện vọng của chị xin được ly hôn với anh **L**.

Về con chung: Anh chị vợ chồng có 2 con chung là cháu **Nguyễn Xuân T1** sinh ngày 11/12/2008; cháu **Nguyễn Minh N** sinh ngày 30/12/2012. Quan điểm của chị **T** là xin được nuôi cháu cả hai cháu không yêu cầu anh **L** cấp dưỡng nuôi con chung

Về tài sản, nghĩa vụ tài sản của vợ chồng: Vợ chồng tự thoả thuận về vấn đề tài sản chung; không cho ai vay nợ và cũng không nợ gì của ai. Chị không yêu cầu giải quyết

Anh **Nguyễn Thành L** đã có lời khai vaf tại phiên hòa giải trình bày: Anh công nhận việc kết hôn như chị đã trình bày. Về mâu thuẫn vợ chồng thì trong cuộc sống cũng hay xảy ra mâu thuẫn bất đồng quan điểm, giữa vợ chồng không tìm được tiếng nói chung. Tuy nhiên mâu thuẫn chưa đến mức phải ly hôn. Nay chị **T** làm đơn xin ly hôn, anh **L** đề nghị Toà án hoà giải để vợ chồng về đoàn tụ cùng nuôi dạy con cái.

Vợ chồng có 2 con chung là cháu **Nguyễn Xuân T1** sinh ngày 11/12/2008; cháu **Nguyễn Minh N** sinh ngày 30/12/2012. Quan điểm của anh là nếu ly hôn anh xin nhận quyền nuôi cháu **Nguyễn Xuân T1** và giao cháu **Nguyễn Minh N** cho chị **T** nuôi dưỡng; hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Anh xác nhận vợ chồng tự thoả thuận về vấn đề tài sản chung; không cho ai vay nợ và cũng không nợ gì của ai. Do vậy khi ly hôn anh không yêu cầu Toà án giải quyết.

*Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:*

Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đầy đủ, đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự;

Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56; Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho ly hôn giữa chị **Nguyễn Thị T** và anh **Nguyễn Thành L**. Con chung giao cả 2 con cho chị **T** trực tiếp nuôi, chấp nhận chị **T** không yêu cầu anh cấp dưỡng nuôi con. Tài sản công nợ chung đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Anh **L** vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do chính đáng nên Tòa án vẫn tiếp tục xét xử vắng mặt bị đơn theo điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị **Nguyễn Thị T** và anh **Nguyễn Thành L** kết hôn tự nguyện và đăng ký tại **UBND xã X** nên là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng chung sống không hạnh phúc, nguyên nhân là do anh chị bất đồng quan điểm sống. Chị xin ly hôn, anh không nhất trí mà mong muốn đoàn tụ. Tuy nhiên chị đã có lần nộp đơn đến Tòa án xin ly hôn anh xong lại rút đơn về để cố gắng cải thiện mối quan hệ với anh **L** nhưng không đạt được mục đích. Một bên kiên quyết ly hôn, một bên muốn níu kéo thì việc hàn gắn là khó khăn. Xét thấy chị đã xác định không thể hàn gắn tình cảm được cũng nên giải phóng cho anh chị để hai bên tự lo hạnh phúc của bản thân.

[3]. Về con chung: Chị có nguyện vọng nuôi 02 con và không yêu cầu anh cấp dưỡng nuôi con. Anh đề nghị nuôi cháu **T1** còn nhường chị nuôi cháu **N**. Địa phương đề nghị Tòa án xem xét nguyện vọng của hai bên đương sự trên cơ sở pháp luật và đảm bảo quyền lợi cho các con. Xét thấy anh chị có 02 con đều là con trai, chị **T** cũng chưa đưa được lý do chính đáng để khẳng định anh **L** không đủ điều kiện trực tiếp nuôi con, đề nghị của anh **L** thấy là phù hợp nên chấp nhận đề nghị của anh **L**. Các đương sự có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

[4]. Về tài sản chung anh chị không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[5]. Về án phí: chị **T** phải nộp án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội cùng Danh mục án phí, lệ phí Tòa án kèm theo:

1. Về hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa chị **Nguyễn Thị T** và anh **Nguyễn Thành L**.

2. Về nuôi con chung: Giao cho chị **T** trực tiếp nuôi cháu **Nguyễn Minh N** sinh ngày 30/12/2012. Giao anh **L** nuôi cháu **Nguyễn Xuân T1** sinh ngày 11/12/2008; Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau và có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị **T** phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp tại biên lai thu số **0000109** ngày 04/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuân Trường.

4. Về quyền kháng cáo: Chị **T** có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh **L** có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt hợp lệ bản án.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND Tỉnh+ Huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã X;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

**Phạm Ngọc Quỳnh**